



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 20 + 21

Ngày 01 tháng 8 năm 2010

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH		
12-7-2010	Nghị quyết số 210/2010/NQ-HĐND phê chuẩn việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2011.	6
12-7-2010	Nghị quyết số 211/2010/NQ-HĐND phê chuẩn nhu cầu bổ sung biên chế hành chính năm 2011.	8
12-7-2010	Nghị quyết số 212/2010/NQ-HĐND quyết định tổng biên chế sự nghiệp năm 2011.	11
12-7-2010	Nghị quyết số 213/2010/NQ-HĐND quy định về phõn cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.	13
12-7-2010	Nghị quyết số 214/2010/NQ-HĐND quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Thọ, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	20

12-7-2010	Nghị quyết số 216/2010/NQ-HĐND quy định hỗ trợ học phí cho đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề giai đoạn 2010 - 2015.	30
12-7-2010	Nghị quyết số 217/2010/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án Quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung người mắc bệnh tâm thần trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	33
12-7-2010	Nghị quyết số 218/2010/NQ-HĐND về việc quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư.	36
12-7-2010	Nghị quyết số 219/2010/NQ-HĐND về việc thông qua đề án công nhận thị xã Phú Thọ đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.	39
12-7-2010	Nghị quyết số 220/2010/NQ-HĐND về việc công nhận xã La Phù, huyện Thanh Thủy đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	42
12-7-2010	Nghị quyết số 221/2010/NQ-HĐND về việc đề nghị thành lập thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.	44

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-7-2010	Chỉ thị số 10/2010/CT-UBND về việc tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác Giáo dục Quốc phòng - An ninh năm 2010 và những năm tiếp theo.	47
-----------	--	----

UBND HUYỆN YÊN LẬP

22-7-2010	Quyết định số 735/2010/QĐ-UBND v/v ban hành Quy chế công tác Văn thư và Lưu trữ của huyện Yên Lập.	51
-----------	--	----

PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

06-7-2010	Nghị quyết số 205/NQ-HĐND về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, nhiệm kỳ 2004 - 2011 đối với ông Đặng Đình Vượng.	71
06-7-2010	Nghị quyết số 206/NQ-HĐND về việc miễn nhiệm Ủy viên UBND tỉnh Phú Thọ khóa XVI, nhiệm kỳ 2004 - 2011 đối với ông Bùi Minh Châu.	72

06-7-2010	Nghị quyết số 207/NQ-HĐND về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2004 - 2011 đối với ông Nguyễn Đình Cúc.	73
06-7-2010	Nghị quyết số 208/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ khóa XVI, nhiệm kỳ 2004 - 2011.	74
06-7-2010	Nghị quyết số 209/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên UBND tỉnh Phú Thọ khóa XVI, nhiệm kỳ 2004 - 2011.	75

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

15-7-2010	Quyết định số 2155/QĐ-UBND về giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	76
15-7-2010	Quyết định số 2161 /QĐ- UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồi Xuôi, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì.	79
28-7-2010	Quyết định số 2448/QĐ-UBND về việc thực hiện ngày làm việc thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	84

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

08-7-2010	Quyết định số 2053 /QĐ-UBND v/v Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - thuộc địa bàn thành phố Việt Trì (đợt 16).	86
15-7-2010	Quyết định số 2144 /QĐ-UBND v/v Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Minh Nông - thuộc dự án: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	88
15-7-2010	Quyết định số 2157 /QĐ-UBND v/v Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1) thuộc địa bàn xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê (hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh).	90

15-7-2010	Quyết định số 2158/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ phụ trách quản lý, điều hành công tác Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Phú Thọ.	92
15-7-2010	Quyết định số 2159 /QĐ-UBND v/v Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - thuộc địa bàn thành phố Việt Trì.	93
15-7-2010	Quyết định số 2168/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng Phú Thọ, thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ.	95
19-7-2010	Quyết định số 2172/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Phó trưởng ban thường trực, Chánh văn phòng Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh Phú Thọ.	96
19-7-2010	Quyết định số 2173/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn Phú Thọ, thuộc Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Thọ.	98
19-7-2010	Quyết định số 2174/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ, thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Thọ.	99
19-7-2010	Quyết định số 2177 /QĐ-UBND v/v duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Đắp mở rộng, tôn cao và cứng hóa mặt đê hữu sông Thao kết hợp đường giao thông đoạn Km0 - Km60 (từ xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa đến ngã tư Cổ Tiết, huyện Tam Nông) tại địa bàn xã Cát Trù huyện Cẩm Khê (Bổ sung đợt 2).	100
19-7-2010	Quyết định số 2178/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh Phú Thọ.	102
19-7-2010	Quyết định số 2179 /QĐ-UBND v/v duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Đắp mở rộng, tôn cao và cứng hóa mặt đê hữu sông Thao kết hợp đường giao thông đoạn Km0 - Km60 (từ xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa đến ngã tư Cổ Tiết, huyện Tam Nông) tại địa bàn các xã Hiền Lương, Chuế Lưu - huyện Hạ Hòa.	104

20-7-2010	Quyết định số 2185/QĐ-UBND v/v duyệt phương án hỗ trợ diện tích đất nông nghiệp xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn bị xô bồi do mưa lũ năm 2008,2009.	106
20-7-2010	Thông báo số 55 /TB-UBND kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Doãn Khánh về việc thực hiện các giải pháp chống hạn vụ mùa 2010.	108
22-7-2010	Quyết định số 2196/QĐ- UBND phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Đoan Hùng đến năm 2020.	110
23-7-2010	Thông báo số 57 /TB-UBND kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Quang Thao về việc ngừng phát tín hiệu kỹ thuật số của Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC trên địa bàn huyện Thanh Ba.	123
26-7-2010	Quyết định số 2217/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1) - thuộc địa bàn huyện Thanh Ba.	126
26-7-2010	Quyết định số 2220 /QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung (lần thứ nhất) dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1) - thuộc địa bàn xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê.	128
29-7-2010	Quyết định số 2267/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Phú Thọ.	130

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210/2010/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 12 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1981/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính và nhu cầu biên chế hành chính năm 2011; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2011 của tỉnh Phú Thọ tại tờ Trình số 1981/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh. Cụ thể như sau: Tổng biên hành chính năm 2011 của tỉnh Phú Thọ là 2.484 người, gồm:

1. Biên chế giao ngay từ đầu năm 2011: 2.484 người.

a. Biên chế giao theo tính toán đến tháng 4/2010 là 2.484 người, trong đó:

- Biên chế công chức là 2.340 người; hợp đồng theo Nghị định 68 là 144 người.

+ Cấp tỉnh: Tổng số 1.410 người, trong đó: Công chức là 1.318 người; hợp đồng theo Nghị định 68 là 92 người

+ Cấp huyện: Tổng số 1.074 người, trong đó: Công chức là 1.022 người; hợp đồng theo Nghị định 68 là 52 người.

b. Biên chế dự phòng còn của năm 2010 theo tính toán đến thời điểm tháng 4/2010 là: 0 người.

2. Biên chế dự phòng năm 2011: 0 người.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực HĐND tỉnh, các ban và các đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Phú Thọ khoá XVI kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng (Đã ký)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 211/2010/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 12 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn nhu cầu bổ sung biên chế hành chính năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức.

Sau khi xem xét Tờ trình số 1981/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính và nhu cầu biên chế hành chính năm 2011; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn nhu cầu bổ sung biên chế hành chính năm 2011 tại Tờ trình số 1981/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh. Đề nghị Bộ Nội vụ trình Chính phủ giao bổ sung 251 biên chế hành chính năm 2011 cho tỉnh Phú Thọ, gồm:

- Tại Nghị định số 27/2008/NĐ-CP ngày 13/3/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Nghị định số 10/1995/NĐ-CP ngày 23/01/1995 của Chính phủ về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Quản lý thị trường địa phương quy định biên chế từ 120-135 biên chế, hiện nay đã bố trí 90 biên chế. Đề nghị trước mắt bổ sung 20 biên chế.

- Tại Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm, với đặc thù riêng của tỉnh Phú Thọ là tỉnh miền núi tiếp giáp với nhiều tỉnh miền núi có 218 xã có rừng, kiểm lâm địa bàn cần có từ 145-150 biên chế. Vì vậy so với số biên chế hiện có còn thiếu tối thiểu là 62 người, đề nghị bổ sung 62 biên chế.

- Căn cứ Nghị định số 136/2004/NĐ-CP ngày 16/6/2004 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giao thông; Thông tư số 03/2005/TTLT-BGTVT-BNV ngày 16/01/2005 của Bộ GTVT và Bộ Nội vụ hướng dẫn về nhiệm vụ,

quyền hạn, tổ chức và biên chế của Thanh tra giao thông vận tải địa phương. Tổng biên chế của Thanh tra Giao thông Phú Thọ được xác định là 38 biên chế. Hiện nay đã bố trí được 23 biên chế, còn thiếu 15 biên chế, đề nghị bổ sung 15 biên chế.

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 31/2009/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 05/6/2009 của Liên bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. UBND tỉnh Phú Thọ đã quyết định thành lập Chi cục. Dự kiến biên chế là 15 người, trong đó điều chuyển 3 biên chế từ phòng Chăn nuôi thủy sản sang, còn thiếu 12 biên chế, đề nghị bổ sung 12 biên chế.

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 61/2008/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 15/5/2008 của Liên bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý Nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Công văn số 1510/BNN-TL ngày 06/3/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tiếp tục củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về công tác thủy lợi ở địa phương. UBND tỉnh Phú Thọ đã thành lập Chi cục Thủy lợi và Chi cục Thủy sản. Đề nghị bổ sung 24 biên chế.

- Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BNV ngày 28/4/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của tổ chức văn thư-lưu trữ Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các cấp. Đề nghị bổ sung 16 biên chế để thành lập Chi cục Văn thư lưu trữ thuộc Sở Nội vụ.

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc UBND các cấp. Đề nghị bổ sung 16 biên chế để thành lập Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ Thông báo số 327/TB/TW ngày 16/4/2010 của Ban Chấp hành Trung ương Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về Đề án tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về công tác thanh niên. Đề nghị bổ sung 18 biên chế, trong đó 5 biên chế để thành lập Phòng Công tác Thanh niên thuộc Sở Nội vụ để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác Thanh niên trên địa bàn và 13 biên chế để bố trí công chức phụ trách công tác thanh niên thuộc Phòng Nội vụ UBND các huyện, thành thị.

- Bổ sung cho UBND các huyện, thành, thị để 12 huyện, thị có bình quân mỗi huyện 80 biên chế, thành phố Việt Trì có 130 biên chế. Tổng cộng 1.090 biên chế, hiện nay đã giao 1.022 biên chế, còn thiếu 68 biên chế, đề nghị bổ sung 68 biên chế.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ trình Chính phủ giao bổ sung chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2011 cho tỉnh.

- Thường trực HĐND, các ban và các đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Phú Thọ khoá XVI, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng (Đã ký)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 212/2010/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 12 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
Quyết định tổng biên chế sự nghiệp năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2003/TT-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1985/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp năm 2011; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định tổng biên chế sự nghiệp năm 2011 của tỉnh Phú Thọ là: 22.452 người (tăng so với biên chế năm 2010 là 260 người) trong đó:

1. Biên chế giao ngay từ đầu năm 2011 là 22.302 người.

a. Biên chế giao theo tính toán đến tháng 4 năm 2010: 22.222 người (tăng so với biên chế giao năm 2010 là 110 người) gồm:

- Sự nghiệp giáo dục đào tạo: 18.804 người (tăng 103 người).

(Trường ĐH Hùng Vương tăng 30 người, UBND huyện Tân Sơn tăng 43 người, trực thuộc các ngành tăng 30 người).

- Sự nghiệp Y tế - BTEXH: 2.343 người (tăng 7 người).

- Sự nghiệp Văn hoá: 482 người (không tăng).

- Sự nghiệp khoa học: 476 người (không tăng).

- Sự nghiệp khác: 70 người (không tăng).

- Phục vụ công cộng: 47 người (không tăng).

b. Biên chế dự phòng còn của năm 2010 là 80 người sẽ được giao bổ sung cho các đơn vị khi được thành lập thêm tổ chức mới hoặc bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ; bố trí cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; tuyển dụng đặc cách sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ; tiếp nhận cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ cao theo chính sách thu hút của tỉnh.

2. Biên chế dự phòng năm 2011: 150 người.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực HĐND, các ban và các đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Phú Thọ khoá XVI, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng (Đã ký)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 213/2010/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 12 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại
cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2093/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách; và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ như sau:

A. NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

I. Nguyên tắc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Phân định từ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc mua sắm, thuê trụ sở làm việc và tài sản khác, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh Phú Thọ.

2. Chỉ phân cấp đối với những nội dung mà pháp luật quy định, những nội dung khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; mọi hành vi vi phạm về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

II. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a. Quy định việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b. Tài sản nhà nước bao gồm: Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (trừ các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh).

B. PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc từ nguồn vốn ngân sách

Việc phân cấp quản lý đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Phú Thọ và các văn bản pháp luật có liên quan.

II. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản nhà nước trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm: Trụ sở làm việc; xe ô tô kể cả xe ô tô chuyên dùng và tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản nhà nước gồm: Máy móc, đồ dùng, thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị ban đầu dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý theo định mức, tiêu chuẩn quy định và trong phạm vi dự toán được giao.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản nhà nước trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý gồm: Máy móc, đồ dùng, thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị ban đầu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý theo định mức, tiêu chuẩn quy định và trong phạm vi dự toán được giao.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản nhà nước gồm: Máy móc, đồ dùng, thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý theo dự toán ngân sách hàng năm đó được giao và căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức quy định.

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị (trừ các loại tài sản quy định tại điểm 1, điểm 3 mục này); căn cứ vào kế hoạch, dự toán, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và nhu cầu cần thiết phục vụ hoạt động của đơn vị để quyết định việc mua sắm đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

Việc tổ chức mua sắm tài sản nhà nước phải được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. Thẩm quyền quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản nhà nước

1. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc.

a. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có dự toán kinh phí sửa chữa từ 500 triệu đồng trở lên.

b. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được giao trực tiếp quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc quyết định việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình cũ dự toán kinh phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng trong phạm vi dự toán được giao.

c. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc của các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc địa phương có dự toán kinh phí sửa chữa từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

d. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc của các cơ quan, tổ chức đơn vị có dự toán kinh phí sửa chữa dưới 100 triệu đồng.

2. Sửa chữa, bảo dưỡng các tài sản khác (phương tiện vận tải, phương tiện làm việc, máy móc thiết bị...).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng các tài sản có dự toán kinh phí sửa chữa từ 70% giá trị tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên.

- Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định sửa chữa, bảo dưỡng các tài sản cũ lại trong phạm vi dự toán được giao của các cơ quan, tổ chức đơn vị trực thuộc.

IV. Thẩm quyền quyết định việc thuê trụ sở làm việc và tài sản khác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh khi thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động ngoài phạm vi nguồn kinh phí được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã ngoài phạm vi nguồn kinh phí được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi dự toán được giao.

V. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

- Nhà, đất và các công trình xây dựng khác gắn liền với đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng cơ quan có liên quan.

- Xe ô tô các loại và tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 500 triệu đồng trở lên trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản nhà nước không thuộc quy định tại điểm 1 mục này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý có giá trị mua sắm ban đầu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng theo đề nghị của thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước trong nội bộ các đơn vị trong ngành có giá trị mua ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước không thuộc quy định tại điểm 1 mục này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thuộc phạm vi quản lý có giá trị mua sắm ban đầu dưới 100 triệu đồng theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch và cơ quan có liên quan.

VI. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước:

- Nhà, đất thuộc trụ sở làm việc và các công trình xây dựng khác gắn liền với đất.

- Xe ô tô kể cả xe chuyên dùng và tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc địa phương quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản của nhà nước không thuộc quy định tại điểm 1 mục này có giá trị mua sắm ban đầu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng giữa các đơn vị thuộc tỉnh quản lý, giữa các đơn vị cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện, giữa các Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở đề nghị xử lý tài sản nhà nước của thủ trưởng các các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước không thuộc điểm 1, điểm 2 mục này giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước không thuộc quy định tại điểm 1, điểm 2 mục này có giá trị mua ban đầu dưới 100 triệu đồng giữa các đơn vị thuộc huyện quản lý, giữa các đơn vị cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp xã, giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở đề nghị xử lý tài sản nhà nước của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

VII. Thanh lý tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

- Nhà và công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất thuộc quyền quản lý của các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, (trừ trường hợp phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng của các đơn vị đó được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt). Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan.

- Xe ô tô kể cả xe chuyên dùng và tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản do các đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý:

- Nhà và các công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất thuộc quyền quản lý của các đơn vị cấp tỉnh nằm trong mặt bằng thi công các dự án đầu tư xây dựng đó được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

- Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản của các đơn vị cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý:

- Nhà và các công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất của các đơn vị cấp huyện quản lý, phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác của các đơn vị cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý: Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã quyết định thanh lý: Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

VIII. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với các tài sản khác

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với:

+ Vật quý hiếm, đồ cổ bị chôn dấu, chìm đắm, bị đánh rơi, bỏ quên, được tìm thấy.

+ Bất động sản trên địa bàn được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu.

+ Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản.

+ Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước do địa phương quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho nhà nước Việt Nam.

- Thủ trưởng các đơn vị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tài sản được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu cho đơn vị mình dưới hình thức biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật.

IX. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản:

Cơ quan đang quản lý hoặc được giao tạm quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đó được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 mục này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được quy định như sau:

a. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước tại điểm 1, mục VIII được xử lý như sau:

- Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý theo quy định của pháp luật đối với:

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước do các cơ quan cấp tỉnh quản lý (bao gồm cả các cơ quan quản lý theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh ...) quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phê duyệt phương án xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước.

b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác được xác lập quyền sở hữu nhà nước quy định tại điểm 2 mục VIII và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước quy định tại Nhóm I, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy hiểm, sử dụng vì mục đích thương mại được ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về “Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm”.

X. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

a. Phân cấp nguồn thu từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập sở hữu của Nhà nước được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước và phân chia cho các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan theo quy định.

b. Phân cấp nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

- Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được sử dụng từ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản.

- Trường hợp xử lý tài sản không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí, thì chi phí do ngân sách nhà nước chi trả. Tài sản do cấp nào xử lý thì chi phí do ngân sách cấp đó chi trả.

- Trường hợp tài sản điều chuyển cho các đơn vị của Nhà nước, thì chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do đơn vị được tiếp nhận tài sản chi trả.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng (Đã ký)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214/2010/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 12 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Thọ, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 82/2001/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về nghi lễ Nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài; Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; Chỉ thị số 297 - CT ngày 26 tháng 11 năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài; Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2033/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Thọ, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách; và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Thọ, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

A. CẤP HẠNG QUỐC TẾ